TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 114/2026/HNGĐ-ST Ngày: 21-5-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân

Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Hồng N, sinh ngày 07/01/2003 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

CCCD số: 095303008934, ngày cấp 03/7/2023.

Địa chỉ: Khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Ấp M, xã V, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Chí T, sinh ngày 10/9/2001 (vắng mặt).

CCCD số: 094201011608.

Địa chỉ: Khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2026, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng N trình bày:

Chị N và anh T, có đăng ký kết hôn và được UBND xã M, thị xã N, tỉnh

Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2022. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay nhận thấy không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đặng Huỳnh Thành N1, sinh ngày 15/9/2023 tại đơn khởi kiện chị đồng ý giao con anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, quá trình tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị N thay đổi yêu cầu, chị yêu cầu Tòa án giao con cho chị nuôi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Bị đơn anh Đặng Chí T vắng mặt, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng thủ tục đối với phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung, giao chị N được quyền nuôi dưỡng con chung cháu Đặng Huỳnh Thành N1, sinh ngày 15/9/2023 đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Chí T vắng mặt không lý do, phiên toà đã mở lần hai, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 73/2022 ngày 12/10/2022 của Uỷ ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ) thể hiện, chị Huỳnh Thị Hồng N và anh Đặng Chí T có đăng ký kết hôn với nhau, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Theo nguyên đơn chị N trình bày quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên muốn trả tự do cho nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2025 đến nay, chị N đã về nhà mẹ ruột sinh sống. Toà án đã tiến

hành tổ chức hòa giải nhưng anh T không tham gia nên không tiến hành hoà giải được, anh T biết được thông tin chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng không phản hồi ý kiến cho Toà án. Điều này chứng tỏ anh T không có nguyện vọng hoặc mong muốn được hàn gắn với chị N. Việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc chị N phải tiếp tục chung sống với anh T nếu như chị không còn tình cảm và thực tế hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau là vi phạm tình nghĩa vợ chồng được luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Huỳnh Thành N1, sinh ngày 15/9/2023. Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không phản hồi ý kiến cho Tòa án về quyền nuôi con. Xét thấy, chị N và anh T không thỏa thuận được việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng cháu N1 dưới 36 tháng tuổi, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Từ quy định trên cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung là cháu Đặng Huỳnh Thành N1, sinh ngày 15/9/2023 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên). Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị N đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Hồng N được ly hôn với anh Đặng Chí T.

2. Về con chung: Giao chị Huỳnh Thị Hồng N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Huỳnh Thành N1, sinh ngày 15/9/2023 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Hồng N1 có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003355 ngày 23/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, chị N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND P. M, TP Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp